

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2023

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Mu Ni

Bà Thạch Thị Ngọc Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn S, sinh năm 1960, có mặt;

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1966, có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: D Culpeper CT West P, FL 33409, USA (Hoa Kỳ).

**** Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại 02 điểm cầu:***

- Điểm cầu trung tâm có ông Nguyễn Tấn Đ - Nhân viên kỹ thuật của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;

- Điểm cầu thành phần có ông Đinh Văn D - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông và bà Lê Thị C do mai mối và được hai bên gia đình chấp thuận nên quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 01/08/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, về tài sản chung, nợ

chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Từ khi kết hôn cho đến nay vợ chồng ông bà mỗi người sống một đất nước khác nhau, không có sự quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ý kiến phúc đáp của bị đơn bà Lê Thị C gửi về cho Tòa án trình bày và có yêu cầu như sau:

Bà Lê Thị C đồng ý ly hôn với ông Phạm Văn S, giữa bà với ông S không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Bà đồng ý cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử sớm hơn thời gian ấn định của Tòa án trong Thông báo thụ lý vụ án và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Phạm Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện giữa ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C từ sau khi kết hôn mỗi người sinh sống tại một nước khác nhau, không có sự gần gũi chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông S và bà Lê Thị C cũng thống nhất ly hôn. Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 56, Điều 127, 129 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn S được ly hôn với bà Lê Thị C; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C khai thống nhất không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: buộc ông Phạm Văn S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác (nếu có) theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh

đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân của ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C là hợp pháp. Việc ông Phạm Văn S yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị C trú tại 4131 Culpeper CT West P, FL 33409, USA (Hoa Kỳ) là quan hệ tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị C yêu cầu xét xử vắng mặt do không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 01/8/2016. Sau khi kết hôn thì bà Lê Thị C làm việc và sinh sống ở Hoa Kỳ, còn ông Phạm Văn S thì sinh sống ở Việt Nam, từ đó việc chăm sóc quan tâm lẫn nhau cũng bị hạn chế, tình cảm mất đi dần dần đến không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C không thực hiện quyền và nghĩa vụ này đối với nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định pháp luật. Ông S và bà C đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời ông S và bà C cũng thống nhất thuận tình ly hôn.

Từ những cơ sở trên xét thấy tình cảm vợ chồng của ông S và bà C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn S với bà Lê Thị C.

[2.2] *Về con chung, về tài sản chung, nợ chung:* Ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử thì ông Phạm Văn S thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi nên không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Từ đó, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014844 ngày 10/03/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Quan điểm của vị Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Phạm Văn S.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ông Phạm Văn S được ly hôn với bà Lê Thị C.

2. *Về con chung, về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Hoàn trả cho ông Phạm Văn S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014844 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Bà Lê Thị C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng bị đơn. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện Càng Long;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu